

# CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI DU LỊCH BÀU MÂY

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI DU LỊCH BÀU MÂY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAU MAY TOURISM AGRICULTURE TRADE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CTY CP NN TM DL BÀU MÂY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502357175

**3. Ngày thành lập:** 06/03/2018

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 117/5 ấp Phú Tâm, Xã Hòa Hiệp, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0254.3877111

Fax: 0254.3877111

Email: baumay2015@gmail.com

Website: www.baumay.com

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                                       | 0118     |
| 2.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                              | 0119     |
| 3.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                         | 7920     |
| 4.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                     | 0121     |
| 5.  | Đại lý du lịch                                                                                                       | 7911     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                      | 0163     |
| 7.  | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                        | 1101     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng                       | 4663     |
| 9.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Mua bán nông sản                 | 4620     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                         | 0240     |
| 11. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                      | 1010     |
| 12. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                         | 1030     |
| 13. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 14. | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                               | 0130     |
| 15. | Chăn nuôi dê, cừu                                                                                                    | 0144     |
| 16. | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                                         | 0113     |
| 17. | Chăn nuôi khác<br>Chi tiết: Nuôi ong                                                                                 | 0149     |
| 18. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                        |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 19. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                  | 7912                                                         |
| 20. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                | 1104                                                         |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                       | 4932                                                         |
| 22. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                           | 1074                                                         |
| 23. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                          | 5621                                                         |
| 24. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                            | 0322                                                         |
| 25. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                          | 1062                                                         |
| 26. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                                                                                                                                                                                                        | 0128                                                         |
| 27. | Trồng cây hồ tiêu                                                                                                                                                                                                                      | 0124(Chính)                                                  |
| 28. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                           | 0161                                                         |
| 29. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                                                                                      | 0146                                                         |
| 30. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                         | 1610                                                         |
| 31. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                    | 2012                                                         |
| 32. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                        | 0810                                                         |
| 33. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                       | 5610                                                         |
| 34. | (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành)<br>Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện ban hành theo Phụ lục 4 của Luật đầu tư 2014 | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÂM VĂN TẮM  | Áp Phú Lộc, Xã Hòa Hiệp, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    | 273000217                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÂM NGỌC CÙU | Áp Phú Lộc, Xã Hòa Hiệp, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 5,000     | 077068000238                                                                                |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

Thời gian đăng từ ngày 06/03/2018 đến ngày 05/04/2018

|   |                   |                                                                            |                   |           |                |        |              |  |
|---|-------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|----------------|--------|--------------|--|
| 3 | LÂM NGỌC NHÂM     | Áp Phú Lộc, Xã Hòa Hiệp, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 50,000 | 077072000434 |  |
|   |                   |                                                                            | Tổng số           | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 50,000 |              |  |
| 4 | PHẠM THỊ THU HẰNG | Áp Phú Lộc, Xã Hòa Hiệp, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 700.000   | 7.000.000.000  | 35,000 | 273652015    |  |
|   |                   |                                                                            | Tổng số           | 700.000   | 7.000.000.000  | 35,000 |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÂM NGỌC NHÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/05/1972

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 077072000434

Ngày cấp: 06/06/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Áp Phú Lộc, Xã Hòa Hiệp, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Áp Phú Tâm, Xã Hòa Hiệp, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu